

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi tắt là SGDCCK), Tổng công ty Lưu ký và

Bù trừ chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSDC) và công ty con theo quy định pháp luật.

2. Đối với các dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán không do Nhà nước định giá, SGDCK, VSDC và công ty con tự định giá và chịu trách nhiệm toàn diện về mức giá dịch vụ do mình cung ứng phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ, quy định của pháp luật về giá, pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Thông tư này bao gồm: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con là Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSC).

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ chứng khoán được cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng khoán nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm: Thành viên của SGDCK; thành viên của VSDC, thành viên của VSC; tổ chức đăng ký niêm yết; tổ chức niêm yết; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; tổ chức phát hành; công ty đại chúng; tổ chức mở tài khoản trực tiếp tại VSDC, VSC; cá nhân, tổ chức thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK; Kho bạc Nhà nước; tổ chức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của Luật Quản lý nợ công; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 4

1. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Trường hợp thành viên của VSC bị VSC ngừng cung cấp dịch vụ bù trừ chứng khoán hoặc đình chỉ hoạt động bù trừ chứng khoán kéo dài sang năm tiếp theo mà không bị hủy bỏ tư cách thành viên thì vẫn phải thanh toán tiền sử dụng dịch vụ quản lý thành viên bù trừ, dịch vụ quản lý thành viên bù trừ chứng khoán phát sinh năm tiếp theo.”.

2. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trường hợp thành viên của VSC bị VSC ngừng cung cấp dịch vụ bù trừ chứng khoán hoặc đình chỉ hoạt động bù trừ chứng khoán để hủy bỏ tư cách thành viên trong năm đó thì không phải thanh toán tiền sử dụng dịch vụ quản lý thành viên bù trừ, dịch vụ quản lý thành viên bù trừ chứng khoán phát sinh trong các năm tiếp theo.”.

Điều 4. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 7

“1a. VSDC được thu giá dịch vụ xử lý lỗi sau giao dịch áp dụng tại thị trường chứng khoán cơ sở, giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch chứng khoán phái sinh áp dụng tại thị trường chứng khoán phái sinh, giá dịch vụ bù trừ chứng khoán phái sinh, giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ quy định tại Thông tư này cho đến khi hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được chính thức triển khai tại VSC.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số mục tại Phụ lục I

1. Sửa đổi, bổ sung cụm từ “SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON, TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM” tại tên Phụ lục I bằng cụm từ “SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON, TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON”.

2. Sửa đổi, bổ sung STT 3.2, STT 3.3, STT 5, STT 5.1. STT 5.2, STT 7 mục II Phần A như sau:

a) Bổ sung cụm từ “chứng chỉ quỹ” trước cụm từ “ETF” tại cột tên giá dịch vụ tại STT 3.2, STT 3.3.

b) Bổ sung cụm từ “giao dịch” sau cụm từ “kết nối” tại STT 5.

c) Bổ sung cụm từ “giao dịch” sau cụm từ “kết nối” tại cột tên giá dịch vụ tại STT 5.1. STT 5.2.

c) Bỏ cụm từ “, chào bán cạnh tranh” tại cột tên giá dịch vụ, cột đối tượng chi trả, cột thời gian chi trả tại STT 7.

3. Sửa đổi, bổ sung STT 12, STT 15, STT 16.4, STT 17.2, STT 17.8, STT 21.2 mục III Phần A như sau:

a) Bổ sung cụm từ “, công ty quản lý quỹ có trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đăng ký tại VSDC” sau cụm từ “Công ty Quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC” tại cột đối tượng chi trả tại STT 12.

b) Bỏ cụm từ “chứng nhận” tại cột thời gian chi trả tại STT 12.

c) Bổ sung cụm từ “chứng chỉ quỹ” trước cụm từ “ETF” tại cột phạm vi áp dụng tại STT 12.

d) Bổ sung cụm từ “, công ty quản lý quỹ có trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đăng ký tại VSDC” sau cụm từ “Công ty Quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC” tại cột đối tượng chi trả tại STT 15.

đ) Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Giá dịch vụ thanh toán bằng tiền” tại cột tên giá dịch vụ tại STT 16.4 bằng cụm từ “Giá dịch vụ xử lý, xác định nghĩa vụ thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán để thanh toán”.

e) Bổ sung cụm từ “bù trừ” vào sau cụm từ “Thành viên” tại cột đối tượng chi trả tại STT 16.4.

g) Bỏ cụm từ “, trừ các trường hợp tặng cho, thừa kế giữa vợ với chồng, giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi, giữa cha chồng,

mẹ chồng với con dâu, giữa cha vợ, mẹ vợ với con rể, giữa ông nội, bà nội với cháu nội, giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại, giữa anh, chị, em ruột với nhau” tại cột tên giá dịch vụ tại STT 17.2.

h) Bổ sung cụm từ “Không áp dụng đối với các trường hợp tặng cho, thừa kế giữa vợ với chồng, giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi, giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu, giữa cha vợ, mẹ vợ với con rể, giữa ông nội, bà nội với cháu nội, giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại, giữa anh, chị, em ruột với nhau” tại cột phạm vi áp dụng tại STT 17.2.

i) Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Giá dịch vụ chuyển quyền sở hữu cổ phiếu từ tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán sang tài khoản nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức” tại cột tên giá dịch vụ tại STT 17.8 bằng cụm từ “ “Giá dịch vụ chuyển quyền sở hữu do mua lại, thu hồi cổ phiếu đã được công ty đại chúng phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty từ người lao động nghỉ việc theo phương án phát hành đã được phê duyệt; tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu hoặc thu hồi cổ phiếu (không phát sinh tiền mua lại) của cán bộ, công nhân viên được mua ưu đãi theo quy định pháp luật về cổ phiếu”.

k) Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký” tại cột đối tượng chi trả tại STT 17.8 bằng cụm từ “Bên nhận chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký hoặc công ty đại chúng, tổ chức phát hành”.

4. Bổ sung STT 17.9, STT 17.10, STT 17.11, STT 17.12 vào sau STT 17.8 mục III phần A như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
17.9	Chuyển quyền sở hữu do công đoàn của tổ chức phát hành, công đoàn của công ty đại chúng dùng cổ phiếu được mua lại, thu hồi theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty mà công đoàn đang đứng tên sở hữu để thưởng, phân phối với giá ưu đãi cho người lao động của tổ chức phát hành, công ty đại chúng; tổ chức phát hành, công ty đại chúng dùng cổ phiếu quỹ để thưởng, bán cho công đoàn của tổ chức phát hành, công đoàn của	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký hoặc công ty đại chúng, tổ chức phát hành	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày làm việc liền sau ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	

	công ty đại chúng, người lao động, cổ đông hiện hữu của tổ chức phát hành, công ty đại chúng			
17.10	Chuyển quyền sở hữu trong trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu ưu đãi không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký hoặc công ty đại chúng, tổ chức phát hành	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày làm việc liền sau ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	
17.11	Chuyển quyền sở hữu do tổ chức phát hành, công ty đại chúng mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông, mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký hoặc công ty đại chúng, tổ chức phát hành.	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày làm việc liền sau ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán	
17.12	Chuyển quyền sở hữu do cổ đông của công ty đại chúng chào bán chứng khoán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá qua các SGDCK	Các bên chuyển quyền sở hữu nộp tiền dịch vụ cho VSDC thông qua thành viên lưu ký hoặc công ty đại chúng, tổ chức phát hành	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày làm việc liền sau ngày VSDC xác nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán	

5. Bỏ cụm từ “và phong tỏa chứng khoán” tại cột tên giá dịch vụ tại điểm a STT 21.1 mục III phần A.

6. Bổ sung STT 21.3 vào sau STT 21.2 mục III phần A như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
21.3	Giá dịch vụ phong tỏa chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm	Cá nhân, tổ chức có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	
a	Phong tỏa lần đầu chứng khoán đăng ký biện pháp			

	bảo đảm	giao dịch bảo đảm, cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm nộp giá dịch vụ cho VSDC thông qua Thành viên lưu ký.		
b	Phong tỏa bổ sung chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm			

7. Bổ sung mục IV vào sau mục III Phần A như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
IV	Giá dịch vụ áp dụng tại Công ty bù trừ chứng khoán Việt Nam			
26	Giá dịch vụ xử lý lỗi sau giao dịch			
26.1	Giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch	Thành viên bù trừ, Thành viên lưu ký, Tổ chức mở tài khoản trực tiếp.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	Áp dụng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm cho hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm.
26.2	Giá dịch vụ xử lý giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán			
26.3	Giá dịch vụ xử lý lỗi giao dịch tự doanh			
26.4	Giá dịch vụ xử lý, xác định nghĩa vụ thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán để thanh toán	Thành viên bù trừ thiếu chứng khoán để thanh toán dẫn tới phải thực hiện thanh toán bằng tiền.		
27	Giá dịch vụ bù trừ	Thành viên bù trừ.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	

8. Bổ cụm từ “Áp dụng kể từ thời điểm VSDC chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo hệ thống công nghệ thông tin mới cho thị trường chứng khoán” tại cột phạm vi áp dụng tại STT 6, STT 8 mục III Phần B.

9. Bổ sung cụm từ “Áp dụng đến hết ngày liền trước ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm cho hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm” tại cột phạm vi áp dụng tại STT 6, STT 7, STT 8 mục III Phần B.

10. Bổ sung mục IV vào sau mục III Phần B như sau:

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ	THỜI GIAN TRẢ	PHẠM VI ÁP DỤNG
IV	GIÁ DỊCH VỤ ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM			
9	Giá dịch vụ bù trừ chứng khoán phái sinh	Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	Áp dụng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm cho hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm.
10	Giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ	Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	
11	Giá dịch vụ sửa lỗi sau giao dịch chứng khoán phái sinh	Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.	Hàng tháng và chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo.	

11. Bãi bỏ STT 9 mục III Phần B.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Phụ lục số II

1. Sửa đổi, bổ sung cụm từ “SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON, TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM” tại tên Phụ lục II bằng cụm từ “SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON, TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON”.

2. Bổ cụm từ “/chào bán cạnh tranh” và cụm từ “, chào bán cạnh tranh” tại khoản 7 Phần A.

3. Bổ sung cụm từ “, công ty quản lý quỹ có trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đăng ký tại VSDC” vào sau cụm từ “công ty quản lý quỹ có chứng chỉ quỹ đăng ký tại VSDC” tại điểm b khoản 9 Phần A.

4. Bổ sung cụm từ “được hưởng quyền” vào sau cụm từ “người sở hữu chứng khoán” tại điểm b khoản 12 Phần A.

5. Sửa đổi, bổ sung cụm từ “giá dịch vụ thanh toán bằng tiền” tại khoản 13 Phần A bằng cụm từ “giá dịch vụ xử lý, xác định nghĩa vụ thanh toán bằng tiền đối với giao dịch thiếu chứng khoán để thanh toán”.

6. Bỏ cụm từ “VSDC” tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 13 Phần A.

7. Sửa đổi, bổ sung cụm từ “n là số giao dịch thanh toán bằng tiền VSDC đã xử lý” tại điểm d khoản 13 Phần A bằng cụm từ “n là số giao dịch thiếu chứng khoán đã chuyển sang thanh toán bằng tiền”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 14 Phần A

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 14 như sau:

“b) Đối với chứng khoán của tổ chức chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch nhưng bị SGDCK đình chỉ, tạm ngừng giao dịch thì giá chứng khoán tính theo mệnh giá chứng khoán.”.

b) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 14 như sau:

“c) Giá dịch vụ chuyển quyền sở hữu chứng khoán được các bên nộp tiền thông qua thành viên lưu ký nơi các bên thực hiện chuyển quyền sở hữu mở tài khoản lưu ký chứng khoán đối với chứng khoán đã đăng ký lưu ký hoặc trả thông qua công ty đại chúng, tổ chức phát hành đối với chứng khoán chưa lưu ký.”

9. Bổ sung khoản 15a sau khoản 15 Phần A

“15a. Giá dịch vụ phong tỏa chứng khoán đăng ký biện pháp bảo đảm

$$\begin{array}{l} \text{Giá dịch vụ phong tỏa} \\ \text{chứng khoán đăng ký} \\ \text{biện pháp bảo đảm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức giá} \\ \\ \text{Số lượng} \\ \text{chứng khoán} \\ \text{phong tỏa} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị chứng} \\ \text{khoán phong} \\ \text{tỏa} \\ \\ \text{V} \end{array}$$

a) Mức giá theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) V: Giá chứng khoán tính theo mệnh giá đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng chỉ quỹ ETF và tính theo giá phát hành lần đầu đối với chứng quyền có bảo đảm.”

10. Bỏ cụm từ “VSDC” tại khoản 8 phần B như sau:

Điều 7. Thay thế một số cụm từ tại tên Thông tư, Điều 3, Điều 6, Điều

1. Thay thế cụm từ “Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam” tại tên Thông tư bằng cụm từ “Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công ty con”.

2. Thay thế cụm từ “SGDCK và VSDC” tại Điều 3, Điều 6, Điều 7 bằng cụm từ “SGDCK, VSDC và công ty con”.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Kho bạc Nhà nước khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLG (bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận